|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX BUÔN HỒ  **TRƯỜNG TIỂU HỌC**  **HÀ HUY TẬP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /KH-HHT | *Bình Thuận, ngày 11 tháng 5 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Về việc kiểm tra định kì cuối năm học**

**Năm học 2022 - 2023**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/08/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo Dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thực hiện công văn số 705/GDĐT-GDTH-GDMN, ngày 05/05/2023 của Sở  
GD&ĐT Đăk Lăk về việc hoàn thành chương trình và kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học cuối kỳ II, năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 145/SGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Buôn Hồ về việc bàn giao HTCTTH

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023, Trường Tiểu học Hà Huy Tập xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ cuối năm học đối với học sinh khối lớp 1, 2, 3, 4 và HTCTTH đối với lớp 5 như sau:

I. **Mục tiêu**

Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một năm học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Thực hiện kế hoạch thời gian năm học, đồng thời theo quy định Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016, thông tư 27/2020 về đánh giá HS tiểu học.

1. **Yêu cầu**

1. Đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/08/2014; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020.

2. Đề kiểm tra do hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau:

1. Tổ chuyên môn ra đề kiểm tra cho cả khối.

- Đề kiểm tra phù hợp theo tình hình thực tế đặc biệt lưu ý đề kiểm tra không được vượt ra khỏi chương trình Đề phải tường minh, chặt chẽ, khoa học, có tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 4 mức độ quy định tại Điều 10 của Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 đối với khối 4,5. Riêng khối 1,2,3: 3 mức độ ( Biết, Hiểu, Vận dụng).

* Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi Ban Giám hiệu 03 đề. Ban Giám hiệu sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 02 đề (01 đề chính thức và 01 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.
* Đề kiểm tra cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo theo sát chuẩn kiến thức và kĩ năng của từng khối lớp, tỉ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:
* Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học: **40%**.
* Mức 2: Hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **40%**.
* Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**.

1. Chấm bài kiểm tra

* Tổ chuyên môn tổ chức chấm tập trung trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc:
* Điểm bài kiểm tra (đặc biệt là môn Tiếng Việt) được tính theo quy định tại mục 2.1.Bài kiểm tra học sinh phải có lời nhận xét cụ thể về việc thực hiện các kỹ năng, về sự tiến bộ hoặc các phần còn hạn chế.

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/08/2014; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 và Thông tư số 27/2020-TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo hướng dẫn thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016

- Kiểm tra cuối năm học là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Do đó, hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng. Khi chấm bài, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong những năm học sau.

* Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.
* Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là **tổng điểm** của các nội dung trong từng kĩ năng và **không được làm tròn**.

*Ví dụ: điểm nội dung Đọc thầm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5*

* Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là **trung bình cộng** điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết **quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1**. *Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).*
* Cách tính điểm cho từng nội dung của mỗi kĩ năng ở từng lớp vẫn thực hiện như quy định trước đây.
* Bài kiểm tra học sinh phải có lời nhận xét cụ thể về việc thực hiện các kỹ năng, về sự tiến bộ hoặc các phần còn hạn chế.

1. **Nội dung và cấu trúc đề Kiểm tra**
2. **Nội dung đề Kiểm tra**

* Nội dung các kiến thức đã được học đến Tuần thứ 35.

Nội dung đề nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông (cấp Tiểu học) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 9832/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 1, 2, 3, 4, 5;đồng thời kết hợp với Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. **Cấu trúc đề Kiểm tra**

* Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. khối 4,5; Khối 1,2,3 theo TT27/2020. Cụ thể đối với từng môn:
  1. **Môn Toán**
* **Thời gian làm bài: 40 Phút không kể thời gian phát đề**
* **Hìnhthức**
* Trắc nghiệm: 3 điểm
* Tự luận: 7 điểm
* **Đối với các mạch kiến thức**
* Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và phép tính trên các vòng số.
* Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%): tập trung về các bảng đơn vị đo.
* Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.
* Giải toán có lời văn thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Lưu ý:

Lớp 1, 2: 1 phép tính.

Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính.

Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.

Lớp 5: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.

* **Ra đề kiểm tra theo ma trận**
* Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.
* Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.
  1. **Môn Tiếng Việt**
* Lớp 4;5 Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016;
* Đảm bảo độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỉ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỉ lệ mức độ nhận thức cần đạt...
* Nội dung kiểm tra theo từng khối lớp (dạng bài Đọc thầm, Đọc thành tiếng, Chính tả, Tập làm văn, số lượng câu hỏi theo từng phần, thời gian hoàn thành nội dung kiểm tra theo quy định…).

- Môn Toán và Tiếng Việt lớp 1,2,3 ra đề thi cuối kỳ II. Thực hiện ma trận theo 3 mức độ (như phần hướng dẫn Thông tư 27).

- **Tỉ lệ điểm giữa các nội dung kiểm tra trong đề theo từng khối lớp**.

+ Khối 1

Đọc thành tiếng: 5 điểm

Đọc hiểu: 5 điểm

Viết Chính tả: 6 điểm

Làm bài tập: 4 điểm

+ Khối 2, 3:

Đọc thành tiếng: 4 điểm - Đọc hiểu: 6 điểm

Chính tả: 4 điểm - Tập làm văn: 6 điểm

+ Khối 4, 5:

Đọc thành tiếng: 3 điểm - Đọc thầm: 7 điểm

Chính tả: 3 điểm - Tập làm văn: 7 điểm

* Đề kiểm tra đọc thầm có câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.
* **Ra đề kiểm tra theo ma trận**
* Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.
* Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

**2.3. Môn Khoa học – Lịch sử - Địa lí:**

- Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kỳ II.

- Lịch sử - Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kỳ II. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

* + 1. ***Xác định hình thức đề kiểm tra:***

Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

+ Đề kiểm tra tự luận.

+ Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan.

+ Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lí các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận. Thực hiện ma trận theo 4 mức độ (như phần hướng dẫn Thông tư 22)

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

* + 1. ***Thời* *gian* *làm kiểm tra:*** Từ 35 đến 40 phút.
    2. ***Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:***

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình.

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.

- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lí đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.

- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.

- Hạn chế đưa ra phương án **“Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “Không có phương án nào đúng”.**

* + 1. ***Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận (vận dụng và vận dụng phản hồi):***

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình.

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo.

- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó.

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh.

- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

**2.4. Môn Tiếng Anh:**

**Lớp 1,2,3: Cấu trúc đề theo CT GDPT 2018**

**Lớp 4,5: Cấu trúc ra đề theo chương trình hiện hành.**

***2.4.1.Nội dung kiểm tra***:

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiếp cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary).

- Bám sát theo công văn GDĐT-TH của Phòng Giáo dục và Đào tạo về “Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp tiểu học năm học 2022 – 2023”.

- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó.

* + 1. ***Thời gian làm bài kiểm tra:***

Bài kiểm tra cuối học kì II môn Tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

* + 1. ***Đề kiểm tra:***

*Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình tiếng Anh (4 tiết/tuần) học kì II:*

- Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì II theo CTGDPT 2018

- Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì II đạt 1 trong các chuẩn sau:

+ Mức độ STARTERS.

+ TOEFL Primary Step 1.

+ TOEFL Primary Step 2.

- Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì II đạt 1 trong các chuẩn sau:

+ Mức độ MOVERS.

+ TOEFL Primary Step 2.

* + 1. ***Đánh giá***:

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Kiểm tra định kì cuối năm học là hoạt động chuyên môn được thực hiện định kì trong quá trình giáo dục. Do đó giáo viên không tạo áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh, không giao bài tập về nhà cho học sinh. Trên lớp, giáo viên ôn bài cho học sinh đầy đủ nhưng tránh học tủ, học vẹt, để hoàn thành tốt nhất bài kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch ra đề kiểm tra định kỳ cuối năm học của trường Tiểu học Hà Huy Tập, trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc đề nghị các Tổ, khối trưởng phản ánh về Ban Giám hiệu để kịp thời điều chỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * HT ( B/c); * Các khối trưởng ( th/h) * Lưu: VT. | **KT HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Lê Thị Cửu** |
|  |  |